

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Kiên, ông Hà Văn Cường

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hà Thị Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2024 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản Tây Hồ, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Anh T - Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Bản Tây Hồ, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/6/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Anh T kết hôn từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đã nhiều lần hai bên gia đình đã hoà giải để tìm tiếng nói chung nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau hai người con chung là Trần Thị Huyền Trang sinh năm 2001 và Trần Thị Hải Yến sinh năm 2003 hai con

đã trưởng thành, tự kiếm tiền nuôi sống bản thân. Do vậy, chị không yêu cầu Toà án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Trần Anh T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Anh T hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T không hợp tác không gửi văn bản ý kiến của mình và cũng không có mặt tại Toà án để giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh đối với nội dung khởi kiện của chị H đối với anh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh T tại địa phương, thể hiện: Chị H và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã vào năm 1999, trong thời gian sống chung thì chị H và anh T sống tại bản Tây Hồ, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị H và anh Tuấn có hai con chung hiện nay các con đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, đã tự lao động kiếm thu nhập riêng để nuôi bản thân. Cuộc hôn nhân của chị H và anh T có mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể thì địa phương không rõ vì chưa được tiến hành hoà giải mâu thuẫn do chị H và anh T không yêu cầu, hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân không còn sống chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định những vẫn vắng mặt. Nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đảm bảo theo quy định pháp luật. Quan điểm giải quyết: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Anh T.

- Về con chung: Điều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động, nên không đặt vấn đề giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Anh T, nên xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Anh T cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc không hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Anh T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào ngày 18/12/1999. Căn cứ các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh T có mâu thuẫn, hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có với nhau hai người con chung là Trần Thị Huyền Trang sinh năm 2001 và Trần Thị Hải Yến sinh năm 2003 hai con đã trưởng thành, trong độ tuổi lao động tự kiếm tiền nuôi sống bản thân. Do vậy, không giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai nhận không có tài sản chung, nợ chung; không xác định được ý kiến của anh T, do vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Anh T.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Anh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001594 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nghịu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Bá Toàn